

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 859 /SYT-NVD

An Giang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

V/v thực hiện các hợp đồng cung ứng
thuốc ARV nguồn Bảo hiểm y tế với
nhà thầu thuộc gói thầu cung cấp
thuốc ARV năm 2024-2025

KHÂN

TRUNG TÂM Y TẾ GIANG THÀNH

Số: 268
ĐẾN Ngày 12/8/2025

Kính gửi: Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh

huyền: Căn cứ thông báo của Cục Phòng Bệnh tại Công văn số 903/PB-ĐT ngày 31/7/2025; Sở Y tế đã hướng dẫn các đơn vị thực hiện các hợp đồng cung ứng thuốc ARV nguồn Bảo hiểm y tế với nhà thầu thuộc gói thầu cung cấp thuốc ARV năm 2024-2025 tại Công văn số 688/SYT-NVD ngày 04/8/2025.

Sở Y tế tiếp tục nhận được Công văn số 980/PB-ĐT ngày 08/8/2025 của Cục Phòng Bệnh về việc hướng dẫn thực hiện các hợp đồng cung ứng thuốc ARV nguồn Bảo hiểm y tế với nhà thầu thuộc gói thầu cung cấp thuốc ARV năm 2024-2025. Để tiếp tục cung ứng thuốc ARV cho các cơ sở y tế, Sở Y tế thông báo, đề nghị các đơn vị thực hiện:

1. Triển khai thông báo của Cục Phòng Bệnh về kết quả ký Phụ lục điều chỉnh Thỏa thuận khung của Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức (nhà thầu) và các tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh Thỏa thuận khung của nhà thầu đến khoa, phòng, bộ phận có liên quan tại đơn vị được biết, thực hiện (thông tin cụ thể tại Công văn số 980/PB-ĐT ngày 08/8/2025 gửi kèm).

2. Các đơn vị thuộc phạm vi cung cấp của Thỏa thuận khung:

- Căn cứ vào danh sách tên, địa chỉ, số điện thoại của nhà thầu, người đại diện hợp pháp hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo Phụ lục gửi kèm, các đơn vị khẩn trương ký hợp đồng cung ứng thuốc với nhà thầu theo Mẫu số 13 (a) Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BYT¹ và thực hiện các nội dung khác được đề cập tại Thỏa thuận khung và Phụ lục điều chỉnh Thỏa thuận khung để đảm bảo tiếp tục cung ứng thuốc ARV cho người bệnh.

- Trường hợp đơn vị có thay đổi thông tin hành chính sau ngày ký Phụ lục điều chỉnh Thỏa thuận khung: Đề nghị tiếp tục thực hiện theo Quyết định của cơ quan ban hành; không yêu cầu ký phụ lục thay đổi thông tin đối với nội dung này.

¹ Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập.

Sở Y tế thông báo đến các đơn vị biết, khẩn trương thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ và các PGĐ SYT;
- BHXH tỉnh An Giang;
- TP và các PTP NVD;
- VPĐT SYT;
- Lưu: VT, NVD, ttnuong.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

[Handwritten signature]
Hồ Văn Dũng

**BỘ Y TẾ
CỤC PHÒNG BỆNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 980 /PB-ĐT

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2025

V/v hướng dẫn thực hiện các hợp đồng
cung ứng thuốc ARV nguồn Bảo hiểm y
tế với nhà thầu thuộc gói thầu cung cấp
thuốc ARV năm 2024-2025

KHẨN

Kính gửi: Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tiếp theo công văn số 903/PB-ĐT ngày 31/7/2025 của Cục Phòng bệnh gửi Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc hướng dẫn thực hiện các hợp đồng cung ứng thuốc ARV nguồn bảo hiểm y tế với nhà thầu gói thầu cung cấp thuốc ARV năm 2024-2025; ngày 08/8/2025, Cục Phòng bệnh nhận được công văn số 587/TTMS-NVĐT của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia thông báo kết quả ký phụ lục điều chỉnh Thỏa thuận khung của Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức. Đề tiếp tục cung ứng thuốc ARV cho các cơ sở y tế, Cục Phòng bệnh kính đề nghị Sở Y tế:

1. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở y tế khẩn trương ký hợp đồng cung ứng thuốc với Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức để đảm bảo tiếp tục cung ứng thuốc ARV cho người bệnh. Cục Phòng bệnh kính gửi Sở Y tế tỉnh, thành phố các tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh phụ lục Thỏa thuận khung của Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức để thông báo cho các cơ sở y tế có tên tại Phụ lục điều chỉnh Thỏa thuận khung làm căn cứ thực hiện việc ký hợp đồng, bao gồm:

1.1. Thỏa thuận khung, Phụ lục điều chỉnh Thỏa thuận khung số 04/TTK-VIETDUC-ARV2024 ngày 28/12/2023 và số 04-1/TTK-VIETDUC-ARV2024 ngày 04/8/2025 về việc cung cấp thuốc thuộc gói thầu cung cấp thuốc ARV năm 2024-2025 giữa Trung tâm và Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức;

1.2. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng: 01 Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức nêu trên theo phương thức tập trung, đơn vị thụ hưởng là các cơ sở y tế được phân bổ tại Quyết định điều chỉnh Phụ lục Thỏa thuận khung nêu trên (Bản gốc Thư bảo lãnh do Trung tâm lưu).

Các tài liệu trên đề nghị các cơ sở y tế truy cập theo đường link: <t.ly/obWsZ> hoặc mã QR để tải tài liệu làm căn cứ thực hiện việc ký kết hợp đồng với các nhà thầu trúng thầu.



2. Mẫu hợp đồng cung ứng thuốc ARV: Cơ sở y tế và nhà thầu thực hiện ký hợp đồng theo mẫu số 13(a) Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập.

3. Trường hợp cơ sở y tế có thay đổi thông tin hành chính sau ngày ký Phụ lục điều chỉnh Thỏa thuận khung: Đề nghị tiếp tục thực hiện theo Quyết định của cơ quan ban hành; không yêu cầu ký phụ lục thay đổi thông tin đối với nội dung này.

4. Các cơ sở căn cứ vào danh sách tên, địa chỉ, số điện thoại của nhà thầu, người đại diện hợp pháp hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo Phụ lục gửi kèm đề tiến hành ký kết hợp đồng.

Cục Phòng bệnh kính đề nghị Sở Y tế tỉnh, thành phố chỉ đạo các cơ sở y tế có tên tại Phụ lục điều chỉnh Thỏa thuận khung trên khăn trương rà soát, thực hiện ký hợp đồng cung ứng thuốc ARV với nhà thầu và thực hiện các nội dung khác được đề cập tại Thỏa thuận khung và Phụ lục điều chỉnh Thỏa thuận khung trên.

Trân trọng cảm ơn./.

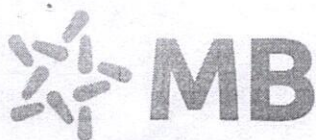
Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Lê Đức Luận (để báo cáo);
- Thứ trưởng Đỗ Xuân Tuyên (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Thị Liên Hương (để báo cáo);
- Cục trưởng (để báo cáo);
- TT Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (để biết);
- Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh, thành phố (để p/h thực hiện);
- Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức (để phối hợp);
- Lưu: PB, ĐT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Phạm Đức Mạnh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2025

**VĂN BẢN SỬA ĐỔI BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG
SỐ: 204MD2401972577 - LẦN 01**

Kính gửi: Các cơ sở y tế thực hiện ký hợp đồng và thụ hưởng bảo lãnh
(theo danh sách phụ lục đính kèm)
(sau đây gọi là “**Bên nhận bảo lãnh**”)

Căn cứ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 204MD2401972577 do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) - Chi nhánh Đông Sài Gòn phát hành ngày 19 tháng 01 năm 2024 cho Bên được bảo lãnh/ là Công ty TNHH dược phẩm Việt Đức.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI (MB) - CHI NHÁNH ĐÔNG SÀI GÒN

Địa chỉ: 488-490 Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 488-490 Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh)

Điện thoại: 02839934888 Fax: 02839934999

Đại diện: *Nguyễn Thị Thùy Nhung* Chức vụ: **GIÁM ĐỐC DỊCH VỤ**

Theo Giấy ủy quyền số *9167*/UQ-HS ngày *19/1/2023* của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

Chấp nhận sửa đổi Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 204MD2401972577 do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) - Chi nhánh Đông Sài Gòn phát hành ngày 19 tháng 01 năm 2024 (sau đây gọi là “**Bảo lãnh**”) với các nội dung như sau:

1. Thông tin sửa đổi

1.1. Sửa đổi Bên nhận bảo lãnh với nội dung cụ thể như sau :

Từ:

TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH BẢO HIỂM Y TẾ VÀ THANH TOÁN ĐA TUYẾN

Thành:

Các cơ sở y tế thực hiện ký hợp đồng và thụ hưởng bảo lãnh (theo danh sách phụ lục đính kèm)

1.2. Sửa đổi Mục Số tiền bảo lãnh với nội dung cụ thể như sau :

Từ:



205.602.403 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm lẻ năm triệu sáu trăm lẻ hai ngàn bốn trăm lẻ ba đồng.)

Thành:

107.970.295 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn hai trăm chín mươi lăm đồng)

2. Các điều khoản khác tại Bảo lãnh không thay đổi và có hiệu lực thi hành với các bên.
3. Văn bản sửa đổi Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến khi Bảo lãnh hết hiệu lực và là một phần không tách rời của Bảo lãnh.
4. Văn bản sửa đổi Bảo lãnh này được phát hành duy nhất một bản chính bằng tiếng Việt cho Bên nhận bảo lãnh, không hủy ngang. Bên nhận bảo lãnh không được chuyển nhượng hoặc chuyển giao văn bản sửa đổi Bảo lãnh này dưới bất kỳ hình thức nào.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI (MB) - CHI NHÁNH ĐÔNG SÀI GÒN

NGƯỜI ĐẠI DIỆN



GIAM ĐỐC DỊCH VỤ

Nguyễn Thị Thùy Nhung

Đề nghị gửi trả văn bản sửa đổi bảo lãnh này cho MB ngay sau khi hết hạn.

Ghi chú : Quý Đơn vị có thể tra cứu trực tuyến các bảo lãnh do MB phát hành tại địa chỉ <https://www.mbbank.com.vn>, mục Công cụ/Tra cứu bảo lãnh online để xác nhận tính chân thực của bảo lãnh này

PHỤ LỤC CÁC CƠ SỞ Y TẾ THỰC HIỆN KÝ HỢP ĐỒNG VÀ THỤ HƯỞNG BẢO LÃNH

(Kèm theo VĂN BẢN SỬA ĐỔI BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG SỐ: 204MD2401972577 - LẦN 01
ngày 04 tháng 08 năm 2025 do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB)
- Chi nhánh Đông Sài Gòn phát hành)

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị trúng thầu được phân bổ (VNĐ)	Giá trị bảo lãnh (VNĐ)
1	77003	Bệnh viện Bà Rịa	Hồ Chí Minh	19.792.080	593.762
2	79394	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	Hồ Chí Minh	76.592.880	2.297.786
3	74001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	Hồ Chí Minh	9.278.640	278.359
4	79405	Bệnh viện Nhi Đồng 1	Hồ Chí Minh	5.239.080	157.172
5	79499	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	Hồ Chí Minh	20.374.200	611.226
6	79034	Bệnh viện Quân y 175	Hồ Chí Minh	952.560	28.577
7	79037	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh	24.872.400	746.172
8	77001	Bệnh viện Vũng Tàu	Hồ Chí Minh	5.239.080	157.172
9	79640	Trung tâm Y huyện Hóc Môn	Hồ Chí Minh	37.820.160	1.134.605
10	79604	Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh	Hồ Chí Minh	21.644.280	649.328
11	79042	Trung tâm y tế huyện Cần Giờ	Hồ Chí Minh	4.780.440	143.413
12	79596	Trung Tâm Y tế Quận 11	Hồ Chí Minh	2.928.240	87.847
13	79582	Trung tâm Y tế Quận 8	Hồ Chí Minh	151.016.040	4.530.481
14	79602	Trung Tâm Y tế Quận 4	Hồ Chí Minh	194.922.000	5.847.660
15	79590	Trung Tâm Y Tế Quận 7	Hồ Chí Minh	15.664.320	469.930
16	79015	Trung tâm y tế Quận 5	Hồ Chí Minh	70.560	2.117
17	79729	Trung tâm Y tế Huyện Nhà Bè	Hồ Chí Minh	8.502.480	255.074
18	79610	Trung Tâm Y Tế Quận 1	Hồ Chí Minh	26.442.360	793.271
19	79027	Trung tâm y tế quận 10	Hồ Chí Minh	8.731.800	261.954
20	79009	Trung tâm y tế Quận 3	Hồ Chí Minh	59.535.000	1.786.050
21	79599	Trung tâm y tế Quận 6	Hồ Chí Minh	173.048.400	5.191.452
22	79612	Trung tâm Y tế Quận 12	Hồ Chí Minh	26.636.400	799.092

23	79580	Trung Tâm Y Tế Quận Gò Vấp	Hồ Chí Minh	68.108.040	2.043.241
24	79587	Trung Tâm Y Tế Quận Phú Nhuận	Hồ Chí Minh	61.845.840	1.855.375
25	79996	Trung tâm Y tế quận Bình Tân	Hồ Chí Minh	35.280	1.058
26	79579	Trung Tâm y tế Quận Bình Thạnh	Hồ Chí Minh	90.987.120	2.729.614
27	79574	Trung tâm y tế Quận Tân Bình	Hồ Chí Minh	17.640	529
28	79577	Trung tâm y tế Quận Tân Phú	Hồ Chí Minh	54.084.240	1.622.527
29	74028	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	Hồ Chí Minh	10.178.280	305.348
30	74039	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	Hồ Chí Minh	9.931.320	297.940
31	74050	Trung tâm Y tế Thành phố Bến Cát	Hồ Chí Minh	14.253.120	427.594
32	74102	TTYT Huyện Dầu Tiếng	Hồ Chí Minh	3.316.320	99.490
33	77004	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	Hồ Chí Minh	35.280	1.058
34	77007	Trung tâm y tế thành phố Phú Mỹ	Hồ Chí Minh	35.280	1.058
35	79583	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh	88.482.240	2.654.467
36	89004	Bệnh viện đa khoa Tân Châu	An Giang	45.969.840	1.379.095
37	89012	Bệnh viện Đa khoa An Giang	An Giang	185.114.160	5.553.425
38	89008	TTYT Châu Phú	An Giang	7.990.920	239.728
39	89005	TTYT Phú Tân	An Giang	3.810.240	114.307
40	89006	TTYT Tịnh Biên	An Giang	20.144.880	604.346
41	91001	Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang	An Giang	19.386.360	581.591
42	91009	Trung Tâm Y Tế An Minh	An Giang	4.286.520	128.596
43	91006	Trung tâm Y tế Giồng Riềng	An Giang	2.540.160	76.205
44	91013	Trung tâm Y Tế Kiên Lương	An Giang	52.920	1.588
45	91004	Trung tâm Y tế Tân Hiệp	An Giang	1.816.920	54.508
46	91002	Trung tâm Y tế Hà Tiên	An Giang	35.280	1.058
47	91011	Trung tâm Y tế Phú Quốc	An Giang	3.969.000	119.070
48	91101	Trung tâm y tế Rạch Giá	An Giang	7.003.080	210.002

49	24280	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bắc Ninh số 1	Bắc Ninh	11.183.760	335.513
50	96001	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	Cà Mau	9.878.400	296.352
51	95079	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cà Mau	Cà Mau	32.016.600	960.498
52	95005	Trung tâm Y tế Khu vực Hồng Dân	Cà Mau	1.587.600	47.628
53	95004	Trung tâm Y tế Khu vực Giá Rai	Cà Mau	17.640	529
54	96002	Bệnh viện đa khoa khu vực Cà Mau	Cà Mau	9.208.080	276.242
55	96014	Bệnh viện đa khoa Trần Văn Thời	Cà Mau	2.646.000	79.380
56	93105	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	Cần Thơ	141.120	4.234
57	94001	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sóc Trăng	Cần Thơ	17.234.280	517.028
58	94029	Bệnh viện Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	Cần Thơ	70.560	2.117
59	94002	TTYT Khu vực Mỹ Xuyên	Cần Thơ	1.922.760	57.683
60	92010	Trung tâm Y tế Khu vực Thốt Nốt	Cần Thơ	25.242.840	757.285
61	92004	Bệnh Viện Đa Khoa Thành Phố Cần Thơ	Cần Thơ	26.689.320	800.680
62	92003	Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ	Cần Thơ	6.703.200	201.096
63	92002	Bệnh viện Quân Y 121	Cần Thơ	11.113.200	333.396
64	92006	Trung tâm Y tế Khu vực Cái Răng	Cần Thơ	13.335.840	400.075
65	94029	Bệnh viện Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	Cần Thơ	3.175.200	95.256
66	4014	BVĐK tỉnh Cao Bằng	Cao Bằng	38.084.760	1.142.543
67	48013	Bệnh viện Da Liễu thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	43.429.680	1.302.890
68	49001	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	Đà Nẵng	31.028.760	930.863
69	66242	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Lắk	Đắk Lắk	5.292.000	158.760
70	11102	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên	Điện Biên	105.840	3.175
71	11032	Trung tâm Y tế Điện Biên Đông	Điện Biên	35.280	1.058
72	11011	Trung tâm Y tế Thanh An	Điện Biên	17.640	529
73	11082	Trung tâm Y tế Mường Ảng	Điện Biên	35.280	1.058
74	11073	Trung tâm Y tế Mường Nhé	Điện Biên	1.587.600	47.628

ĐỢT
SÀI GÒ
2838

75	11061	Trung tâm Y tế Nậm Pồ	Điện Biên	635.040	19.051
76	11060	Trung tâm Y tế Tủa Chùa	Điện Biên	35.280	1.058
77	11080	Trung tâm Y tế Tuần Giáo	Điện Biên	7.444.080	223.322
78	11002	Trung tâm Y tế Điện Biên Phủ	Điện Biên	3.810.240	114.307
79	11045	Trung tâm Y tế Mường Lay	Điện Biên	5.203.800	156.114
80	70008	Trung Tâm Y Tế Khu vực Chơn Thành	Đồng Nai	10.566.360	316.991
81	75234	Bệnh Viện Da Liễu Đồng Nai	Đồng Nai	2.434.320	73.030
82	75308	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	Đồng Nai	24.466.680	734.000
83	75303	Trung tâm Y tế Khu Vực Long Khánh	Đồng Nai	4.939.200	148.176
84	75299	Trung tâm Y tế khu vực Long Thành	Đồng Nai	19.756.800	592.704
85	87012	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Đồng Tháp	88.200	2.646
86	87015	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	Đồng Tháp	31.416.840	942.505
87	82003	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	Đồng Tháp	4.921.560	147.647
88	82002	bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	Đồng Tháp	2.169.720	65.092
89	82215	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Đồng Tháp	13.812.120	414.364
90	87014	Bệnh viện đa khoa Sa Đéc	Đồng Tháp	12.877.200	386.316
91	87183	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Tháp Mười	Đồng Tháp	3.633.840	109.015
92	52001	Bệnh viện đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai	Gia Lai	3.439.800	103.194
93	1929	Bệnh viện Bạch Mai	Hà Nội	86.612.400	2.598.372
94	1812	TTYT huyện Gia Lâm	Hà Nội	1.270.080	38.102
95	1243	Bệnh viện 09	Hà Nội	17.640	529
96	1939	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	Hà Nội	46.357.920	1.390.738
97	1004	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	Hà Nội	25.578.000	767.340
98	1816	Bệnh Viện Đa Khoa Hà Đông	Hà Nội	38.225.880	1.146.776
99	1822	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	Hà Nội	6.350.400	190.512
100	1821	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	Hà Nội	52.920	1.588

101	1903	Bệnh viện Phổi Hà Nội	Hà Nội	70.560	2.117
102	1801	Trung tâm y tế quận Ba Đình	Hà Nội	11.324.880	339.746
103		Trạm y tế xã Thư Lâm	Hà Nội	35.368.200	1.061.046
104	1806	Trung tâm y tế quận Đống Đa	Hà Nội	35.280	1.058
105	1812	TTYT huyện Gia Lâm	Hà Nội	1.852.200	55.566
106	1804	Trung tâm Y tế Quận Long Biên	Hà Nội	19.668.600	590.058
107		Trạm Y tế phường Từ Liêm	Hà Nội	26.971.560	809.147
108	1803	Trạm y tế phường Tây Hồ	Hà Nội	1.746.360	52.391
109	1809	Trung tâm Y tế Quận Thanh Xuân	Hà Nội	4.851.000	145.530
110	42315	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	8.890.560	266.717
111	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Hải Phòng	160.947.360	4.828.421
112	31031	Bệnh viện Kiến An	Hải Phòng	15.858.360	475.751
113	31032	Bệnh viện Nhi Hải Phòng	Hải Phòng	1.958.040	58.741
114	31020	Trung tâm y tế Hải An	Hải Phòng	5.733.000	171.990
115	30341	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Hải Dương	Hải Phòng	20.109.600	603.288
116	31006	Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên	Hải Phòng	3.175.200	95.256
117	46001	Bệnh viện Trung ương Huế	Huế	7.973.280	239.198
118	46211	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Huế	Huế	70.560	2.117
119	33913	Bệnh viện bệnh nhiệt đới	Hưng Yên	15.558.480	466.754
120	34008	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	Hưng Yên	352.800	10.584
121	34006	Bệnh viện đa khoa Đông Hưng	Hưng Yên	9.137.520	274.126
122	34004	Bệnh viện Đa khoa Kiến Xương	Hưng Yên	8.767.080	263.012
123	34007	Bệnh viện đa khoa Quỳnh Phụ	Hưng Yên	2.487.240	74.617
124	34005	Bệnh viện Đa khoa Tiền Hải	Hưng Yên	5.292.000	158.760
125	34003	Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư	Hưng Yên	8.343.720	250.312
126	34009	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	Hưng Yên	5.239.080	157.172

127	34002	Bệnh viện đa khoa Trần Lãm	Hưng Yên	4.815.720	144.472
128	34001	Bệnh viện Đa khoa Thái Bình	Hưng Yên	2.981.160	89.435
129	34321	Bệnh viện Nhi Thái Bình	Hưng Yên	4.639.320	139.180
130	58083	Trung tâm Y tế khu vực Phan Rang- Tháp Chàm	Khánh Hòa	1.270.080	38.102
131	56195	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Khánh Hòa	Khánh Hòa	52.920	1.588
132	56005	Trung tâm Y tế khu vực Cam Ranh	Khánh Hòa	35.280	1.058
133	56004	Trung tâm y tế khu vực Diên Khánh	Khánh Hòa	3.016.440	90.493
134	56008	Trung Tâm Y tế Khu Vực Nha Trang	Khánh Hòa	3.492.720	104.782
135	56003	Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa	Khánh Hòa	299.880	8.996
136	58002	Trung Tâm y tế khu vực Ninh Phước	Khánh Hòa	35.280	1.058
137	68001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Lâm Đồng	35.280	1.058
138	68650	BV II Lâm Đồng	Lâm Đồng	1.746.360	52.391
139	60167	Trung Tâm Kiểm soát bệnh tật Bình Thuận	Lâm Đồng	6.562.080	196.862
140	67093	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Đắk Nông	Lâm Đồng	2.575.440	77.263
141	67011	Trung tâm Y tế khu vực Cư Jút	Lâm Đồng	1.816.920	54.508
142	68440	Trung tâm y tế Khu vực Đức Trọng	Lâm Đồng	3.333.960	100.019
143	20011	Trung tâm y tế Khu vực Cao Lộc	Lạng Sơn	17.640	529
144	10061	Bệnh viện đa khoa số 2 tỉnh Lào Cai	Lào Cai	23.108.400	693.252
145	15901	Bệnh viện Đa khoa số 3 tỉnh Lào Cai	Lào cai	35.280	1.058
146	15601	Trung tâm Y tế khu vực Văn Chấn	Lào Cai	6.350.400	190.512
147	15104	Trung tâm Y tế khu vực Yên Bái	Lào Cai	70.560	2.117
148	40001	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	Nghệ An	79.485.840	2.384.575
149	40012	Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ	Nghệ An	458.640	13.759
150	40018	Trung Tâm Y Tế Huyện Quế Phong	Nghệ An	6.350.400	190.512
151	40014	Trung Tâm Y Tế Huyện Tương Dương	Nghệ An	1.305.360	39.161
152	25155	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh	Ninh Bình	104.040	5.921

153	36017	Bệnh viện Đa khoa Hải Hậu	Ninh Bình	3.827.880	114.836
154	36001	Bệnh viện Đa khoa Nam Định	Ninh Bình	9.737.280	292.118
155	36060	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình	21.467.880	644.036
156	36028	Trung tâm Y tế Nghĩa Hưng	Ninh Bình	4.974.480	149.234
157	30622	Trung tâm Y tế Xuân Trường	Ninh Bình	8.255.520	247.666
158	37301	Bệnh viện Đa khoa Nho Quan	Ninh Bình	1.464.120	43.924
159	37701	Bệnh viện Đa khoa Kim Sơn	Ninh Bình	7.779.240	233.377
160	37062	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình	30.870.000	926.100
161	37401	Trung tâm y tế Gia Viễn	Ninh Bình	4.057.200	121.716
162	37501	Trung Tâm Y Tế Hoa Lư thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình	5.891.760	176.753
163	37801	Trung tâm y tế Yên Khánh	Ninh Bình	1.270.080	38.102
164	37201	Trung tâm Y tế Tam Điệp	Ninh Bình	1.270.080	38.102
165	37601	Trung tâm Y tế Yên Mô	Ninh Bình	3.192.840	95.785
166	17001	Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình	Phú Thọ	11.377.800	341.334
167	25002	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phú Thọ	Phú Thọ	6.773.760	203.213
168	25001	BVĐK tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ	4.445.280	133.358
169	25044	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ	2.910.600	87.318
170	26002	Trung tâm y tế khu vực Lập Thạch	Phú Thọ	793.800	23.814
171	26003	Trung tâm y tế khu vực Sông Lô	Phú Thọ	4.656.960	139.709
172	26008	Trung Tâm y tế khu vực Vĩnh Yên	Phú Thọ	6.967.800	209.034
173	51224	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	4.074.840	122.245
174	22001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	188.695.080	5.660.852
175	22030	Bệnh viện Việt Nam-Thụy Điển Uông Bí	Quảng Ninh	26.301.240	789.037
176	22027	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	Quảng Ninh	15.505.560	465.167
177	45092	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị (Cơ sở 2)	Quảng Trị	1.164.240	34.927
178	14004	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phù Yên, tỉnh	Sơn La	2.222.640	66.679

179	14010	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Yên, tỉnh Sơn La	Sơn La	2.804.760	84.143
180	14002	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mai Sơn, tỉnh Sơn La	Sơn La	20.215.440	606.463
181	14009	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mường La, tỉnh Sơn La	Sơn La	14.394.240	431.827
182	14008	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	Sơn La	70.560	2.117
183	14007	Bệnh viện Đa khoa khu vực Sông Mã, tỉnh Sơn La	Sơn La	35.280	1.058
184	14005	Bệnh viện Đa khoa khu vực Thuận Châu, tỉnh Sơn La	Sơn La	70.560	2.117
185	14011	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Hồ, tỉnh Sơn La	Sơn La	14.103.180	423.095
186	14001	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sơn La	Sơn La	28.612.080	858.362
187	80007	Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa	Tây Ninh	13.388.760	401.663
188	80013	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Kiến Tường	Tây Ninh	10.160.640	304.819
189	80001	Bệnh viện đa khoa Long An	Tây Ninh	2.328.480	69.854
190	80004	Trung Tâm Y tế khu vực Bến Lức	Tây Ninh	52.920	1.588
191	80006	Trung tâm Y tế khu vực Cần Đước	Tây Ninh	13.953.240	418.597
192	80010	Trung tâm y tế khu vực Tầm Vu	Tây Ninh	635.040	19.051
193	72010	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh	Tây Ninh	14.500.080	435.002
194	72005	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Bến Cầu	Tây Ninh	4.039.560	121.187
195	72004	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Trảng Bàng	Tây Ninh	7.938.000	238.140
196	72002	Trung tâm Y tế khu vực Hòa Thành	Tây Ninh	4.233.600	127.008
197	80001	Bệnh viện đa khoa Long An	Tây Ninh	10.478.160	314.345
198	80010	Trung tâm y tế khu vực Tầm Vu	Tây Ninh	687.960	20.639
199	72003	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Gò Dầu	Tây Ninh	8.537.760	256.133
200	6003	Trung tâm Y tế Bạch Thông	Thái Nguyên	2.046.240	61.387
201	6004	Trung Tâm Y tế Chợ Đồn	Thái Nguyên	1.587.600	47.628
202	6006	Trung tâm y tế Na Rì	Thái Nguyên	17.640	529
203	6033	Trung tâm Y tế Bắc Kạn	Thái Nguyên	1.270.080	38.102
204	14012	Bệnh viện A Thái Nguyên	Thái Nguyên	72.525.680	2.176.070

205	19009	Bệnh viện Đa khoa Phú Bình	Thái Nguyên	3.210.480	96.314
206	19007	Bệnh viện Đa khoa Đại Từ	Thái Nguyên	17.640	529
207	19005	Trung tâm Y tế Đồng Hỷ	Thái Nguyên	5.609.520	168.286
208	19008	Trung Tâm Y tế Phổ Yên	Thái Nguyên	5.292.000	158.760
209	19001	Trung tâm y tế Thái Nguyên	Thái Nguyên	8.167.320	245.020
210	19004	Trung tâm Y tế Phú Lương	Thái Nguyên	10.742.760	322.283
211	38180	Bệnh viện Đa khoa Hà Trung	Thanh Hóa	882.000	26.460
212	38080	Bệnh Viện Đa Khoa Lang Chánh	Thanh Hóa	70.560	2.117
213	38270	Bệnh viện đa khoa Mường Lát	Thanh Hóa	793.800	23.814
214	38070	Bệnh viện Đa khoa Như Xuân	Thanh Hóa	529.200	15.876
215	38220	Bệnh Viện Đa Khoa Quảng Xương	Thanh Hóa	1.958.040	58.741
216	38120	Bệnh viện đa khoa Thọ Xuân	Thanh Hóa	705.600	21.168
217	38090	Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc	Thanh Hóa	6.350.400	190.512
218	38010	Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành	Thanh Hóa	14.817.600	444.528
219	38741	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa	Thanh Hóa	10.531.080	315.932
220	8101	BVĐK tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	8.308.440	249.253
221	8501	TTYT khu vực Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	529.200	15.876
222	8401	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	5.715.360	171.461
223	2010	Bệnh Viện Đa khoa khu vực Yên Minh tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	1.005.480	30.164
224	2005	Bệnh viện đa khoa khu vực Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	35.280	1.058
225	2001	Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	13.388.760	401.663
226	8101	BVĐK tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	3.757.320	112.720
227	8501	TTYT khu vực Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	1.905.120	57.154
228	8401	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	4.127.760	123.833
229	8303	Trung tâm Y tế khu vực Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	8.996.400	269.892
230	84001	Bệnh viện đa khoa Trà Vinh	Vĩnh Long	16.511.040	495.331

231	84003	Trung tâm y tế khu vực Châu Thành	Vĩnh Long	3.175.200	95.256
232	84006	Trung tâm Y tế khu vực Trà Cú	Vĩnh Long	4.110.120	123.304
233	86001	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long	Vĩnh Long	9.737.280	292.118
234	83009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Vĩnh Long	31.752.000	952.560
235	84002	Trung tâm Y tế khu vực Càng Long	Vĩnh Long	3.810.240	114.307
236	84008	Trung tâm Y tế khu vực Duyên Hải	Vĩnh Long	2.540.160	76.205
Tổng				3.599.009.820	107.970.295

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:859 /SYT-NVD

An Giang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

V/v thực hiện các hợp đồng cung ứng
thuốc ARV nguồn Bảo hiểm y tế với
nhà thầu thuộc gói thầu cung cấp
thuốc ARV năm 2024-2025

KHÂN

Kính gửi: Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh

Căn cứ thông báo của Cục Phòng Bệnh tại Công văn số 903/PB-ĐT ngày 31/7/2025, Sở Y tế đã hướng dẫn các đơn vị thực hiện các hợp đồng cung ứng thuốc ARV nguồn Bảo hiểm y tế với nhà thầu thuộc gói thầu cung cấp thuốc ARV năm 2024-2025 tại Công văn số 688/SYT-NVD ngày 04/8/2025.

Sở Y tế tiếp tục nhận được Công văn số 980/PB-ĐT ngày 08/8/2025 của Cục Phòng Bệnh về việc hướng dẫn thực hiện các hợp đồng cung ứng thuốc ARV nguồn Bảo hiểm y tế với nhà thầu thuộc gói thầu cung cấp thuốc ARV năm 2024-2025. Để tiếp tục cung ứng thuốc ARV cho các cơ sở y tế, Sở Y tế thông báo, đề nghị các đơn vị thực hiện:

1. Triển khai thông báo của Cục Phòng Bệnh về kết quả ký Phụ lục điều chỉnh Thỏa thuận khung của Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức (nhà thầu) và các tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh Thỏa thuận khung của nhà thầu đến khoa, phòng, bộ phận có liên quan tại đơn vị được biết, thực hiện (*thông tin cụ thể tại Công văn số 980/PB-ĐT ngày 08/8/2025 gửi kèm*).

2. Các đơn vị thuộc phạm vi cung cấp của Thỏa thuận khung:

- Căn cứ vào danh sách tên, địa chỉ, số điện thoại của nhà thầu, người đại diện hợp pháp hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo Phụ lục gửi kèm, các đơn vị khẩn trương ký hợp đồng cung ứng thuốc với nhà thầu theo Mẫu số 13 (a) Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BYT¹ và thực hiện các nội dung khác được đề cập tại Thỏa thuận khung và Phụ lục điều chỉnh Thỏa thuận khung để đảm bảo tiếp tục cung ứng thuốc ARV cho người bệnh.

- Trường hợp đơn vị có thay đổi thông tin hành chính sau ngày ký Phụ lục điều chỉnh Thỏa thuận khung: Đề nghị tiếp tục thực hiện theo Quyết định của cơ quan ban hành; không yêu cầu ký phụ lục thay đổi thông tin đối với nội dung này.

¹ Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập.

Sở Y tế thông báo đến các đơn vị biết, khẩn trương thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD và các PGĐ SYT;
- BHXH tỉnh An Giang;
- TP và các PTP NVD;
- VPĐT SYT;
- Lưu: VT, NVD, ttnuong.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hồ Văn Dũng

PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

Số: 859/8YT-MD ngày, 12 tháng 8 năm 2025

1. Ý kiến của lãnh đạo cơ quan, tổ chức

- Giao đơn vị, cá nhân chủ trì; K. DƯỢC
- Giao các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có);

- Thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có);

- Ngày, tháng năm cho ý kiến phản phối, giải quyết Trần Thị Thu Liệt

2. Ý kiến của lãnh đạo Khoa, Phòng

- Giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có);

- Ngày, tháng năm cho ý kiến

3. Ý kiến đề xuất của người giải quyết.

- Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân;

- Ngày, tháng năm đề xuất ý kiến